

Bản án số: 49/2024/HSST
Ngày: 13/06/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hải.

Bà Đặng Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông
Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 07 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù
Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:
40/2024/HSST ngày 12 tháng 04 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị L, tên gọi khác: Không, giới tính: Nữ, sinh năm: 1974
tại: Tỉnh Bình Phước; Số căn cước công dân: 070174004730, cấp ngày 02/10/2021,
nơi cấp Cục Cảnh sát; Nơi thường trú: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Nơi ở
hiện tại: Thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:
Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 01/12; Cha:
Nguyễn Văn V, sinh năm 1960 (đã chết); Mẹ: Vũ Thị A, sinh năm 1956; Chồng:
Mông Văn M, sinh năm 1969 (đã ly hôn); bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh
năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2002; Bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con lớn
nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày
10/01/2024 cho đến nay (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trịnh Việt M, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Nguyễn Trọng H, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: Ngô Văn H, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên
tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 09 tháng 01 năm 2024, Nguyễn Thị L đang ở nhà thì có
01 người tên N (không rõ nhân thân, lý lịch) gọi điện thoại đến số 0363826195 của

bị cáo Nguyễn Thị L hỏi bị cáo Nguyễn Thị L “ có mua ma túy không?”, thì bị cáo Nguyễn Thị L nói “ có bán cho 300.000đồng, loại ma túy Methamphetamine”, N chỉ bị cáo Nguyễn Thị L đến vị trí cất giấu ma túy tại đoạn đường thuộc khu vực thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Nghe điện thoại xong, bị cáo Nguyễn Thị L điều khiển xe mô tô biển số: 60B9 – 086.33 đến nơi, thấy một bao thuốc lá hiệu Hero bên trong có 02 gói nylon được hàn kín hai đầu, bị cáo Nguyễn Thị L lấy 02 gói nylon, rồi L bỏ 300.000đồng vào trong bao thuốc lá để lại vị trí cũ. Sau đó, bị cáo Nguyễn Thị L điều khiển xe mô tô đi về vườn rẫy thuộc thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước sử dụng một ít ma túy, còn lại ngày 10/01/2024, bị cáo Nguyễn Thị L cất giấu ma túy vào trong gói thuốc lá nhãn hiệu Bastos, rồi cho vào bên trong bình đựng nước màu đỏ, treo lên бага xe mô tô biển số: 60B9 – 086.33 điều khiển đến đoạn đường thuộc thôn A, xã T, huyện B thì bị Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bù Đăng phối hợp với Công an xã T kiểm tra phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong tang vật (ký hiệu M có chữ ký của bị cáo Nguyễn Thị L) để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số: 93/KL-KTHS ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Tinh thể màu trắng (ký hiệu M có chữ ký của bị cáo Nguyễn Thị L) bên trong 02 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,1338 gam.

Về vật chứng vụ án Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng chuyển: 01 xe mô tô biển số: 60B9 – 086.33, 01 điện thoại di động bên trong có sim thuê bao số 0363826195 cùng số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ việc truy tố, xét xử.

Đối với người tên N bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị L không xác định được nhân thân, lý lịch, không có tài liệu chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị, nên Viện kiểm sát không đề cập.

Tại bản cáo trạng số: 46/CTr –VKS ngày 12/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L về “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, nên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều của Bộ luật Hình sự năm, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 đến 18 tháng tù; buộc bị cáo nộp án phí theo quy định. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị L thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng đã truy tố đối với các bị cáo, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 09/01/2024, Nguyễn Thị L mua 02 gói ma túy, loại Methamphetamine với giá 300.000đồng của một người tên N (không rõ nhân thân, lý lịch) tại khu vực thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Mua xong, bị cáo Nguyễn Thị L mang về sử dụng một ít, số ma túy còn lại có khối lượng 0,1338 gam vào ngày 10/01/2024, bị cáo Nguyễn Thị L cất giấu vào trong gói thuốc lá nhãn hiệu Bastos để trên xe mô tô biển số: 60B9 – 086.33 điều khiển đến đoạn đường thuộc thôn A, xã T, huyện B thì bị Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bù Đăng phối hợp với Công an xã T kiểm tra, bắt quả tang người cùng tang vật. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét toàn bộ vụ án, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có ma túy để sử dụng bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Nên cần xử bị cáo với mức án nghiêm trọng xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

[4]. Về vật chứng vụ án: Số ma túy hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cầm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số: 60B9 – 086.33, 01 điện thoại di động bên trong có sim thuê bao số 0363826195 bị cáo dùng vào hành vi phạm tội nên cần hoá giá sung ngân sách nhà nước.

Đối với người tên N bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị L không xác định được nhân thân, lý lịch, không có tài liệu chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,0780gam khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định trong 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 93 của của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Phước

Tịch thu hoá giá sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô Wave màu xanh, nhãn hiệu Honda, biển số: 60B9 – 086.33, 01 điện thoại di động Nokia, Màu đen, bên trong có sim thuê bao số 0363826195 bị cáo dùng vào hành vi phạm tội (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0010153 ngày 05/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước).

Đối với người tên N bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị L không xác định được nhân thân, lý lịch, không có tài liệu chứng cứ khác, không có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND và CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Sở tư pháp và Công an tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Lê Danh

